

CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ II – MÔN: CÔNG NGHỆ 7
NH: 2024 – 2025

1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam

1. Vai trò của ngành thủy sản?

- A. Cung cấp thực phẩm cho con người B. Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm
C. Xuất khẩu thủy sản D. Tất cả các câu trên

2. Đâu không phải là vai trò của ngành thủy sản?

- A. Cung cấp lương thực cho con người B. Cung cấp thực phẩm cho con người
C. Cung cấp thủy sản để xuất khẩu D. Cung cấp việc làm cho người lao động

3. Sản phẩm nào sau đây được chế biến từ thủy sản?

- A. Xúc xích B. Ruốc cá hồi C. Tôm nõn D. Cá thu đóng hộp

4. Kể tên 2 sản phẩm thủy sản được xuất khẩu:

5. Ngành thủy sản góp phần và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

6. Ngành thủy sản cung cấp cho con người.

7. Ngành thủy sản cung cấp cho ngành chế biến thực phẩm.

2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao

1. Tôm hùm là thủy sản có giá trị cao và thuộc loại thủy sản nước ngọt?

- Đúng Sai

2. Tôm càng xanh là thủy sản có giá trị cao và thuộc loại thủy sản nước ngọt?

- Đúng Sai

3. Thủy sản nước ngọt thường có ở khu vực sông ngòi?

- Đúng Sai

4. “Có nhiều vịnh, hải đảo thuận lợi cho việc nuôi nhiều loại thủy sản nước mặn”

- Đúng Sai

5. Vì sao cá nước ngọt được xuất khẩu?

Cá nước ngọt xuất khẩu là cá ba sa. Vì có hàm lượng đạm cao, thơm ngon.

3. Môi trường nuôi thủy sản

1. Đâu không phải là đặc điểm ảnh hưởng của nước đến các loài thủy sản:

- A. Có khả năng hòa tan các chất vô cơ và hữu cơ
B. Nhiệt độ của nước ổn định và điều hòa hơn nhiệt độ không khí trên cạn
C. Thành phần khí oxygen thấp và carbon dioxide cao hơn không khí trên cạn
D. Thành phần khí oxygen cao và carbon dioxide thấp hơn không khí trên cạn

2. Phát biểu nào dưới đây là sai khi nói về đặc điểm của nước nuôi thủy sản?

- A. Nước ngọt có khả năng hoà tan các chất hữu cơ nhiều hơn nước mặn
B. Nước ngọt có khả năng hoà tan các chất vô cơ nhiều hơn nước mặn
C. Oxi trong nước thấp hơn so với trên cạn
D. Cacbonic trong nước thấp hơn so với trên cạn

3. Nước nuôi thủy sản có khả năng hoà tan chất hữu cơ, không hoà tan chất vô cơ

- Đúng Sai

4. Thành phần khí oxygen thấp và carbon dioxide cao hơn không khí trên cạn

- Đúng Sai

5. Thành phần khí oxygen cao và carbon dioxide thấp hơn không khí trên cạn

Đúng Sai

6. Bón phân hữu cơ vào ao nuôi thủy sản để bổ sung hàm lượng muối dinh dưỡng trong đất và nước.

Đúng Sai

7. Do nước có khả năng hoà tan các chất hữu cơ và vô cơ nên bón phân hữu cơ vào ao nuôi có ảnh hưởng đến các muối hoà tan trong nước.

Đúng Sai

8. Giải thích hàm lượng khí trong môi trường nuôi thủy sản so với trên cạn

Do trong nước nuôi thủy sản có thực vật thủy sinh (rong, tảo . . .) và các động vật phù du. Và áp suất khí quyển giảm, không có gió lưu thông, tảo nở hoa, tảo tàn, phân hủy chất thải hữu cơ, thức ăn dư thừa, tạo ra khí CO₂ nhiều.

4. Thức ăn của thủy sản

1. Thức ăn tự nhiên của thủy sản là:

A. Thức ăn do con người tạo ra

B. Phụ phẩm nông nghiệp

C. Thức ăn có sẵn trong ao, hồ

D. Thức ăn được sản xuất quy mô công nghiệp

2. Thức ăn nhân tạo của thủy sản là:

A. Thức ăn do con người tạo ra

B. Thức ăn có sẵn trong ruộng

C. Thức ăn có sẵn trong ao, hồ

D. Thức ăn có sẵn trong kênh rạch

3. Thức ăn tự nhiên của thủy sản:

A. Bột cá

B. Lòng ruột cá

C. Cám

D. Ốc

4. Thức ăn nhân tạo của thủy sản:

A. Bột cá

B. Giun

C. Tảo

D. Rong

5. Thức ăn tự nhiên của thủy sản khó bảo quản hơn thức ăn nhân tạo

Đúng

Sai

6. Thức ăn nhân tạo của thủy sản giàu chất dinh dưỡng hơn thức ăn tự nhiên

Đúng

Sai

7. Lòng ruột cá là thức ăn nhân tạo của thủy sản.

Đúng

Sai

8. Làm rõ sự khác nhau giữa các loại thức ăn nhân tạo

Thức ăn thô	Thức ăn viên hỗn hợp
Cám gạo, ngô, sắn, đậu tương Bột cá, lòng ruột gà, vịt, cá,... Phân hữu cơ, phân vô cơ (đạm, lân, kali)	Có thành phần dinh dưỡng được trộn với nhau theo khẩu phần ăn khoa học đảm bảo dinh dưỡng, có chất phụ gia kết dính, có độ hoà tan khi cho vào nước.

5. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản

1. Quy trình công nghệ nuôi thủy sản:

(1) Thả con giống

(2) Thu hoạch

(3) Chuẩn bị ao, xử lý nước

(4) Chăm sóc, quản lý

A. (1), (2), (3), (4)

B. (3), (1), (4), (2)

C. (3), (4), (1), (2)

D. (3), (1), (2), (4)

2. “Xử lý nước” thuộc bước nào của quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản?

A. Thả con giống

B. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước

C. Chăm sóc, quản lý

D. Thu hoạch

3. “Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá” thuộc bước nào của quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản?

A. Thả con giống

B. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước

C. Chăm sóc, quản lý

D. Thu hoạch

4. Khi thả nên ngâm túi đựng tôm, cá vào trong ao khoảng thời gian bao lâu?

A. 5 – 10 phút

B. 15 – 20 phút

C. 10 – 15 phút

D. 20 – 25 phút

5. Quản lí ao nuôi cần thực hiện công việc gì?

- A. Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước
B. Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá
C. Cho ăn
D. Thu hoạch

6. Người ta tiến hành cho cá ăn vào thời gian nào?

- A. Sáng từ 5 – 6 giờ
B. Sáng từ 6 – 8 giờ
C. Trưa từ 1 - 2 giờ
D. Trưa từ 2 - 3 giờ

7. Gia đình bạn Minh về quê ở Bến Tre có đất rộng, điều kiện tự nhiên phù hợp để nuôi tôm sú. Minh thấy ông thu hoạch hết tất cả tôm trong ao. Em dùng kiến thức đã học để xác định cách thu hoạch.

8. Lan về quê chơi. Lan theo ngoại ra ao cá xem ông thu hoạch cá. Lan thấy ông thu hoạch những cá đã đạt chuẩn thực phẩm. Em dùng kiến thức đã học để xác định cách thu hoạch.

6. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản

1. Nhiệt độ giới hạn chung phù hợp cho tôm là:

2. Nhiệt độ giới hạn chung phù hợp cho cá là:

3. Độ trong tốt nhất của nước nuôi tôm, cá là:

4. Nhiệt độ giới hạn chung phù hợp cho tôm là:

- A. 15 – 20 độ C
B. 20 – 30 độ C
C. 25 – 30 độ C
D. 25 – 35 độ C

5. Độ trong tốt nhất của nước nuôi tôm, cá là:

- A. 15 – 20 cm
B. 20 – 30 cm
C. 25 – 30 cm
D. 25 – 35 cm

6. Để đo độ trong của nước nuôi thủy sản ta dùng dụng cụ nào?

- A. Nhiệt kế điện tử
B. Nhiệt kế thủy ngân
C. Đĩa Secchi
D. Thước

7. Để đo nhiệt độ của nước nuôi thủy sản ta dùng dụng cụ:

- A. Đồng hồ đo
B. Nhiệt kế thủy ngân
C. Đĩa Secchi
D. Thước

8. Nước thủy sản có màu xanh rêu là do(chứa nhiều tảo lam)

9. Nước thủy sản có màu vàng cam là do(nhiễm phèn)

10. Màu nước ao nuôi tôm có màu đỏ gạch là do(có chứa nhiều phù sa)

11. Nước ao có màu xanh nhạt (xanh nõn chuối) là do sự phát triển của tảo lục, là thức ăn có lợi cho tôm

- Đúng Sai

12. Nước ao có màu trắng đục là do có chứa nhiều sinh vật phù du

- Đúng Sai